

**CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016**

## **NỘI DUNG**

I.	THÔNG TIN CHUNG .....	2
1.	GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY .....	2
2.	QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN .....	2
3.	NGÀNH NGHỀ KINH DOANH .....	4
4.	MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ .....	5
5.	ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN .....	5
6.	HỆ THỐNG QUẢN TRỊ RỦI RO .....	6
II.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2016.....	10
1.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH .....	10
2.	TỔ CHỨC NHÂN SỰ .....	10
3.	TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH .....	11
a)	Tình hình tài chính .....	11
b)	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu .....	11
4.	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG .....	12
5.	CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ .....	13
III.	BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC .....	13
1.	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH .....	13
2.	TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH .....	13
3.	KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2017.....	14
IV.	BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	16
1.	Thực trạng hoạt động.....	16
2.	Công tác chỉ đạo BDH.....	17
3.	Công tác hợp tác Quản trị doanh nghiệp với BKS.....	17
4.	Kế hoạch, định hướng năm 2017.....	17
V.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	18

## **I. THÔNG TIN CHUNG**

Công ty CP Chứng khoán Đại Việt (DVSC) được thành lập vào tháng 6 năm 2006, vốn điều lệ hiện tại là 250 tỷ đồng. Với định hướng trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam, DVSC đã không ngừng nỗ lực nhằm tạo ra các giá trị vượt trội từ các dịch vụ tài chính-chứng khoán.

Tài sản quan trọng nhất của DVSC là đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, năng động, đạo đức và có kinh nghiệm trong các lĩnh vực tài chính-chứng khoán.

Cổ đông lớn của DVSC bao gồm Ngân hàng thương mại TNHH MTV Xây dựng Việt Nam, CTCP Giải Pháp Đầu Tư Thái Sơn, Tổng Công ty Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn (Sabeco), Ngân hàng TMCP Phát Triển TP HCM và các đối tác chiến lược khác.

### **1. GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY**

Tên gọi của Công ty	<b>Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt</b>
Tên tiếng Anh	<b>Dai Viet Securities Corporation</b>
Tên tiếng Anh viết tắt	<b>DVSC</b>
Trụ sở chính	Lầu 7, 242 Công Quỳnh, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh
Điện thoại	(84.8) 39.251.246
Fax	(84.8) 39.251.225
Website	<a href="http://www.dvsc.com.vn">www.dvsc.com.vn</a>
Email	<a href="mailto:info@dvsc.com.vn">info@dvsc.com.vn</a>
Vốn điều lệ	<b>250.000.000.000 đồng</b>
Giấy phép thành lập	15/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 28 tháng 6 năm 2006
Mã số thuế	0304407252

### **2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN**

#### **❖ Năm 2006**

**16/06/2006:** DVSC được thành lập, đặt trụ sở chính tại lầu 3, Tòa nhà Starview 63A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh và hoạt động với các nghiệp vụ: Môi giới chứng khoán, Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và Lưu ký chứng khoán. Vốn điều lệ ban đầu là **10.000.000.000 VND**.

**28/06/2006:** Chính thức đi vào hoạt động theo Giấy phép số 15/UBCK-GPHĐKD của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước.

**28/09/2006:** Trở thành thành viên của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).

**05/12/2006:** Trở thành thành viên của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).

**19/12/2006:** DVSC tăng vốn điều lệ lên **44.000.000.000 VND**.

#### ❖ Năm 2007

**05/02/2007:** Chuyển trụ sở về Lầu 2&4 Tòa nhà Savimex, 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

**02/04/2007:** DVSC tăng vốn điều lệ lên **250.000.000.000 VND** và thực hiện 03 nghiệp vụ chính: Môi giới chứng khoán, Tư vấn và đầu tư chứng khoán, và Tự doanh chứng khoán.

#### ❖ Năm 2008

**04/04/2008:** Ủy ban chứng khoán chấp thuận cho DVSC thành lập chi nhánh Hà Nội tại 18 Núi Trúc, Ba Đình, Hà Nội. Đây là cột mốc đánh dấu sự mở rộng kinh doanh của DVSC ra các tỉnh phía Bắc.

#### ❖ Năm 2009

**20/03/2009:** DVSC đăng ký và được phép rút bớt nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán

#### ❖ Năm 2010

**24/02/2010:** Ủy ban chứng khoán chấp thuận cho DVSC dời chi nhánh Hà Nội về 96 Bà Triệu, Hoàn Kiếm, Hà Nội theo quyết định số 130/QĐ-UBCK.

#### ❖ Năm 2011

**24/08/2011:** Ủy ban Chứng khoán chấp thuận cho DVSC chuyển trụ sở chính về 46-48 Tôn Thất Đạm, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh theo quyết định số 49/QĐ-UBCK ngày 24/08/2011.

#### ❖ Năm 2014

**31/10/2014:** Ủy Ban Chứng khoán chấp thuận cho DVSC đóng cửa chi nhánh Công ty tại Hà Nội

❖ **Năm 2016**

Ủy ban Chứng khoán chấp thuận cho DVSC chuyển trụ sở chính về 242 Công Quỳnh, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh theo quyết định số 27/GPĐC-UBCK ngày 09/08/2016.

### **3. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH**

Công ty CP Chứng khoán Đại Việt (DVSC) là một trong những tổ chức tài chính tiên phong và uy tín tại thị trường Việt Nam. Với những định hướng tính chiến lược rõ ràng và dài hạn, DVSC cũng đã đạt được những thành tựu nhất định trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh. DVSC cung cấp các sản phẩm đa dạng bao gồm: Môi giới chứng khoán, Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, hoạt động lưu ký, Tự doanh chứng khoán...

▪ ***Môi giới chứng khoán***

Với cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại và không ngừng được nâng cấp, cùng với đội ngũ nhân viên môi giới chuyên nghiệp, DVSC luôn tự hào mang đến dịch vụ môi giới có chất lượng cao cho tất cả các đối tượng khách hàng, cá nhân cũng như tổ chức trong và ngoài nước, trong tất cả các khâu như mở tài khoản giao dịch, môi giới, tư vấn giao dịch, thực hiện lệnh, thanh toán tiền, lưu ký chứng khoán, sao kê tài khoản và tra cứu dữ liệu giao dịch trong quá khứ, hỗ trợ chuyển nhượng đối với chứng khoán chưa niêm yết...

DVSC kết nối thông sàn với HOSE và HNX từ rất sớm. Hiện nay tại DVSC, khách hàng có thể đặt lệnh trực tuyến một cách nhanh chóng và hiệu quả trên nền tảng công nghệ và quy trình an toàn, bảo mật tuyệt đối. Trước nhu cầu giao dịch trực tuyến ngày càng gia tăng, DVSC đặc biệt chú trọng đến việc nâng cấp thiết bị công nghệ, thiết kế các sản phẩm và đưa ra các giải pháp mới nhằm giúp khách hàng giao dịch an toàn và hiệu quả hơn.

▪ ***Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán***

Tư vấn tài chính doanh nghiệp là mảng hoạt động được DVSC đặc biệt chú trọng. Thế mạnh trong lĩnh vực tư vấn cổ phần hoá, tư vấn phát hành và tư vấn niêm yết sẽ tiếp tục được phát huy. Ngoài ra, trong chiến lược phát triển theo mô hình ngân hàng đầu tư, bộ phận tư vấn sẽ đẩy mạnh các hoạt động tư vấn mua bán và sáp nhập (M&A), tư vấn tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp.

Đối với hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán, khi khách hàng yêu cầu, DVSC tiến hành thu thập và phân tích các thông tin về năng lực tài chính, nghề nghiệp, độ tuổi, khả năng chấp nhận rủi ro và kỳ vọng về lợi nhuận để đưa ra những giải pháp đầu tư phù hợp và có chất lượng cao bao gồm:

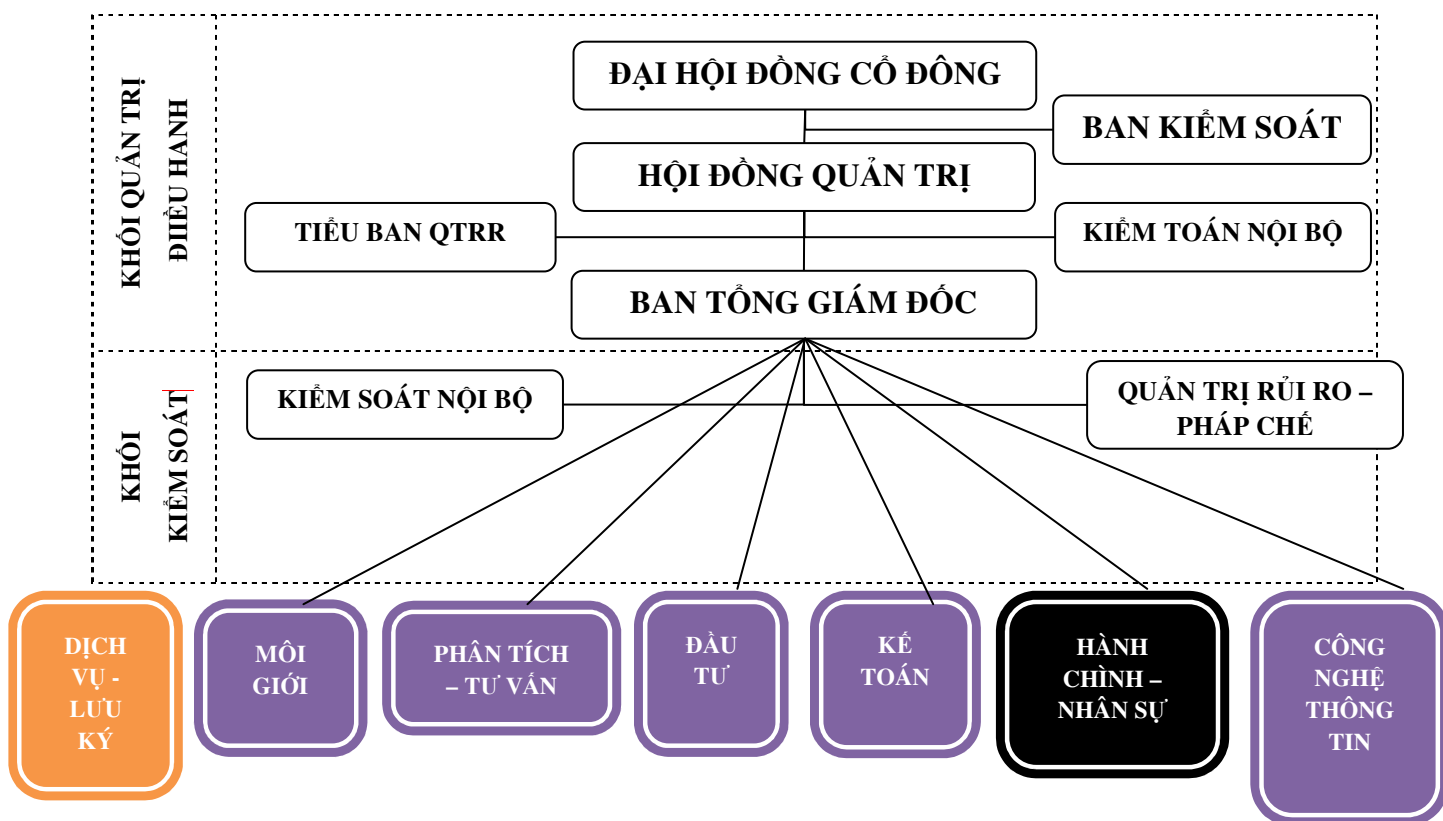
- Tư vấn xác định chiến lược đầu tư chứng khoán;
- Tư vấn lựa chọn chứng khoán, tái cấu trúc và quản lý danh mục đầu tư;
- Lựa chọn thời điểm và cơ cấu vốn đầu tư thích hợp;
- Tìm kiếm các cơ hội đầu tư hiệu quả nhất;
- Hỗ trợ đánh giá hiệu quả đầu tư.

Sản phẩm của dịch vụ tư vấn đầu tư là các báo cáo: Khuyến nghị đầu tư; Nhận định thị trường hàng ngày; Phân tích kỹ thuật;

▪ **Các dịch vụ hỗ trợ khác**

DVSC liên kết với các tổ chức tài chính để hỗ trợ vốn cho nhà đầu tư dưới nhiều hình thức khác nhau trong khuôn khổ được pháp luật cho phép.

**4. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ**



**5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN**

❖ **Tầm nhìn**

DVSC hoạt động dựa trên tầm nhìn “là một trong những định chế tài chính hàng đầu tại Việt Nam”.

❖ **Sứ mệnh**

DVSC được thành lập với mục đích “Tối đa hóa lợi ích của cổ đông và khách hàng”. Điều cốt lõi ở các sản phẩm và dịch vụ của DVSC là sự nỗ lực mang đến thành công, tận tâm tận lực mang lại hiệu quả tối ưu cho khách hàng, đối tác và Quý cổ đông.

❖ **Giá trị cốt lõi**

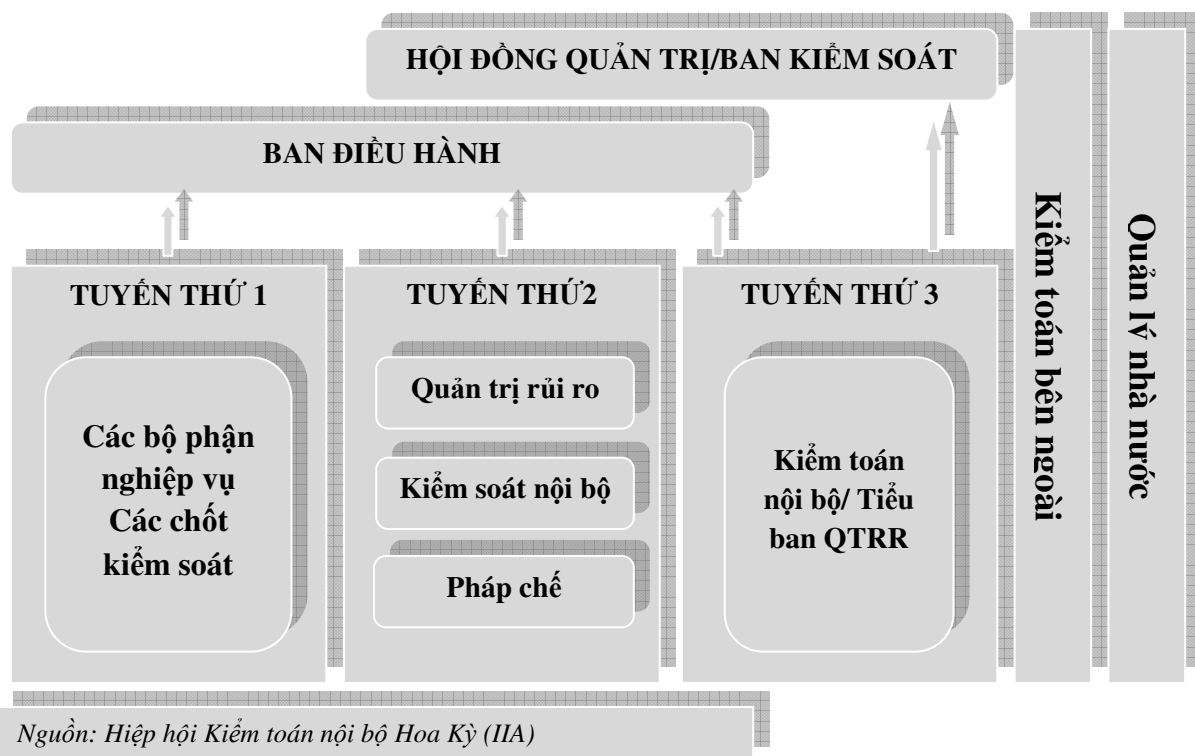
Chúng tôi luôn muốn xây dựng một hình ảnh là một nơi “An toàn, đạo đức và xây dựng các mối quan hệ bền chặt”.

❖ **Mục tiêu**

Tăng năng lực tài chính, phát triển sản phẩm mới, tăng cường công tác quản trị.

## 6. HỆ THỐNG QUẢN TRỊ RỦI RO

DVSC đã triển khai xây dựng hệ thống quản trị rủi ro theo cầu của Thông tư 210/2012/TT-BTC và hướng dẫn thiết lập và vận hành hệ thống quản trị rủi ro theo quyết định 105/QĐ-UBCK ngày 26/3/2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước. Hệ thống Quản trị rủi ro được triển khai đảm bảo phù hợp về chức năng và nhân sự đảm trách. Hệ thống Quản trị rủi ro tại DVSC bao gồm các thành phần như sau:



DVSC xác định rủi ro thông qua các phương pháp:

- Xây dựng các giả định để lường trước rủi ro có khả năng xảy ra và tác động của rủi ro đó đến hoạt động của Công ty;
- Hội thảo và thảo luận để đưa ra một danh sách các rủi ro có thể có trong các hoạt động của Công ty;
- Xây dựng quy trình hoạt động cho từng nghiệp vụ/dịch vụ và đưa vào vận hành; cập nhật và điều chỉnh định kỳ nhằm đảm bảo tuân thủ đối với các quy định pháp lý, các tình huống rủi ro trên thị trường;
- Giám sát và theo dõi thường xuyên các hoạt động hàng ngày và phân tích các rủi ro có thể xảy ra.

#### **b. Đánh giá rủi ro**

DVSC có thể sử dụng phương pháp định tính và/hoặc định lượng phù hợp với rủi ro mà DVSC phải đối mặt, dựa trên mức độ rủi ro, các rủi ro sẽ được xếp hạng theo thứ tự ưu tiên giảm dần.

#### **c. Xử lý rủi ro**

Nguyên tắc xử lý rủi ro:

- Tìm hiểu nguyên nhân sự cố;
- Lựa chọn và xây dựng phương án xử lý, trong đó quy định trách nhiệm thực hiện kế hoạch, tiến độ thực hiện, hoạch định ngân sách và thủ tục đánh giá;
- Phân tích và đánh giá ưu nhược điểm của mỗi phương án xử lý;
- Thực hiện xử lý rủi ro theo kế hoạch đã lựa chọn;
- Rút kinh nghiệm để tránh lặp lại sự cố rủi ro (thủ tục có tính lặp lại liên tục).

Các biện pháp xử lý cơ bản:

- Tránh rủi ro: không/tránh thực hiện bất kỳ hoạt động nào có thể gây ra rủi ro đang xử lý;
- Giảm thiểu rủi ro: Áp dụng các biện pháp để làm giảm tác động hoặc khả năng xảy ra rủi ro hoặc cả hai;
- Chia sẻ rủi ro: chuyển tất cả hoặc một phần rủi ro cho đối tượng khác;
- Chấp nhận rủi ro: không có biện pháp để thay đổi xác suất và tác động của rủi ro.

#### **d. Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty**

##### **▪ Rủi ro thị trường**

Các hoạt động kinh doanh cơ bản của DVSC liên quan đến rủi ro thị trường là đầu tư tiền gửi, các công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá, đầu tư vào trái phiếu, cổ phiếu (bao gồm cả hoạt động tự doanh chứng khoán).

Doanh thu từ các loại hoạt động này bị ảnh hưởng bởi các biến động trong giá cả hàng hóa, lãi suất và giá cổ phiếu, tình hình thị trường hoặc có thể do những thay đổi về chính sách tiền tệ và những quy định pháp lý khác...khi giá cổ phiếu biến



động ngoài dự kiến có thể dẫn tới rủi ro giảm sút doanh thu so với kế hoạch thậm chí lỗ trên danh mục đầu tư.

Để giảm thiểu rủi ro này DVSC phải thực hiện công tác quản trị rủi ro một cách chặt chẽ và mang tính phối hợp từ việc nhận định, dự báo thị trường, theo dõi, đánh giá danh mục đầu tư đến hệ thống hạn mức, cảnh báo và quy trình xử lý.

▪ **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản xảy ra khi DVSC mất khả năng thực hiện các nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ đến hạn hoặc không thể chuyển đổi các công cụ tài chính thành tiền mặt với giá trị hợp lý trong ngắn hạn do thiếu hụt thanh khoản thị trường.

Năm 2016 DVSC vẫn tiếp tục đảm bảo an toàn tuyệt đối về quản lý thanh toán, không phát sinh bất kỳ sự cố rủi ro nào. Tỷ lệ vốn khả dụng vẫn luôn duy trì ở mức trung bình tháng 297,42%, cao hơn nhiều so với tỷ lệ theo quy định của pháp luật là 180%.

Tỷ lệ an toàn tài chính năm 2016		
STT	Tháng	Tỷ lệ
1	01	291%
2	02	291%
3	03	291%
4	04	289%
5	05	295%
6	06	309%
7	07	312%
8	08	291%
9	09	284%
10	10	287%
11	11	296%
12	12	333%

DVSC có được tỷ lệ này có được là nhờ quá trình quản lý dòng tiền mặt một cách chặt chẽ, trên nguyên tắc chú trọng quản trị rủi ro thanh khoản một cách đặc biệt và chặt chẽ.

▪ **Rủi ro hoạt động**

Các hoạt động liên quan đến rủi ro hoạt động tại DVSC bao gồm các rủi ro quản trị nguồn nhân lực, rủi ro hệ thống và bảo mật thông tin, rủi ro lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, rủi ro về quy trình nghiệp vụ, rủi ro tuân thủ các quy trình quy chế...

▪ **Rủi ro quản trị nguồn nhân lực**

Luôn ý thức được nguồn nhân lực là một yếu tố quan trọng nhất, là nhân tố tạo ra sự khác biệt của Công ty, DVSC tiếp tục chú trọng việc phát triển và quản lý nguồn nhân lực một cách toàn diện.

Cùng với những chuyển biến của nền kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán, quản trị nhân sự của DVSC tiếp tục đối mặt với những khó khăn và thách thức.

▪ **Rủi ro hệ thống và bảo mật thông tin**

Tính ổn định của hệ thống là tiêu chí hàng đầu của DVSC. Năm 2016, Công ty đã đánh giá lại toàn bộ hệ thống, trong đó tập trung vào việc bảo vệ, hỗ trợ các

hệ thống trước các rủi ro có thể xảy ra: Lỗi kỹ thuật phát sinh từ phần cứng, phần mềm đang sử dụng; Sự cố đường truyền kết nối; nguy cơ bị tấn công, truy cập vào hệ thống phần mềm; thông tin bị rò rỉ ra bên ngoài; vấn đề bản quyền phần mềm...

Để giảm thiểu rủi ro hệ thống và bảo mật thông tin, DVSC đã áp dụng các biện pháp:

- Kiểm soát việc truy cập thông tin trong nội bộ để đảm bảo mỗi nhân viên chỉ được truy cập dữ liệu đúng với vai trò và quyền hạn của mình;
- Rà soát các quy định và quy trình của Phòng Công nghệ thông tin;
- Kiểm tra và đánh giá lại toàn bộ hệ thống để đảm bảo an toàn trước các cuộc tấn công mạng...

▪ ***Rủi ro tuân thủ và lỗi của con người trong quá trình tác nghiệp***

Rủi ro tuân thủ mà Công ty phải đối mặt trong trường hợp Công ty, nhân viên Công ty vi phạm hoặc không tuân thủ các quy định pháp luật, quy định tại điều lệ Công ty, vi phạm các quy định nội bộ, vi phạm các quy trình, quy chế kể cả các quy định về đạo đức nghề nghiệp

Phòng ngừa và hạn chế rủi ro tuân thủ và lỗi của con người trong quá trình tác nghiệp được DVSC xem là công tác quan trọng. Một số biện pháp được Công ty sử dụng như:

- Xây dựng và vận hành các quy trình có sự kiểm tra chéo giữa các bộ phận, cá nhân để tăng cường kiểm tra, giám sát nội bộ, hạn chế lạm quyền và phát hiện sớm các sai phạm, sai sót có thể xảy ra;
- Nâng cao ý thức tuân thủ của nhân viên thông qua việc tuyên truyền, đào tạo;
- Thiết lập hệ thống kiểm tra, giám sát nội bộ...

▪ ***Rủi ro pháp lý***

Rủi ro pháp lý xảy ra cho Công ty do quá trình chấp hành pháp luật do thay đổi quy định, không tuân thủ đúng quy định hoặc phát sinh tranh chấp, kiện cáo trong hoạt động thường ngày.

## **II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2016**

### **1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

*ĐVT: Triệu VND*

Chỉ tiêu	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2015	Tăng/Giảm	
				% TH 2016 sv. KH 2016	% TH 2016 sv. TH 2015
<b>Doanh thu</b>	9,314	11,138	7,558	-16%	23%
<b>Chi phí</b>	42,440	30,021	11,206	41%	279%
<b>Lợi nhuận</b>	(33,126)	(18,883)	(3,648)	75%	808%

Tổng doanh thu năm 2016 là 9,3 tỷ đồng, thấp hơn kế hoạch 16%, tăng so với thực hiện năm 2015 là 23%. Chi phí năm 2016 tăng 41% so với kế hoạch đề ra và tăng 279% so với năm 2015. Lỗ thực hiện năm 2016 tăng 75% so với kế hoạch và tăng 808% so với thực hiện năm 2015.

Nguyên nhân do trong năm 2016 Công ty đã mất đi bốn tháng do di dời trụ sở. Vì vậy nguồn thu đã bị sụt giảm đáng kể. Bên cạnh đó do năm 2016 công ty trích dự phòng giảm giá tài sản tài chính rất nhiều cụ thể cổ phiếu TIP đã niêm yết sàn HSX, trích 13,7 tỷ đồng, cổ phiếu DND giao dịch trên sàn Upcom, trích dự phòng 15,7 tỷ đồng nên làm cho tổng chi phí năm 2016 tăng rất cao.

### **2. TỔ CHỨC NHÂN SỰ**

- **Bà Trần Thị Rồng - Phó Tổng Giám đốc- Cựu Kế toán trưởng**

Bà Trần Thị Rồng sinh ngày 19 tháng 05 năm 1966, được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Đại Việt vào ngày 29 tháng 12 năm 2016. Trước đó Bà Trần Thị Rồng là Kế toán trưởng DVSC từ tháng 01 năm 2010. Bà Rồng đã làm việc ở Legamex với nhiều chức vụ khác nhau như: Cán bộ thuế phòng kế toán, Thành viên Ban kiểm soát, Kế toán trưởng xí nghiệp Lega4,... Tại công ty TNHH Thanh Hòa bà Rồng giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc.

Bà Rồng có bằng cử nhân chuyên ngành Tài chính- Kế toán và bằng Phân tích tài chính do UBCK cấp.

- **Ông Trương Thế Hải – Cựu Tổng Giám đốc**

Ông Trương Thế Hải sinh ngày 22 tháng 9 năm 1969, được bổ nhiệm chức vụ Quyền Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt vào ngày 01 tháng 4 năm 2015. Trước đó Ông Hải là Phó Tổng Giám đốc DVSC từ tháng 4 năm 2014. Ông Hải từng là giữ chức vụ quản lý Phòng Tư vấn tài chính doanh nghiệp Công ty chứng khoán ngân hàng Vietcombank, chi nhánh Tp Hồ Chí Minh.

Ông Hải có bằng cử nhân chuyên ngành Tài chính và Ngân hàng; có bằng thạc sỹ tài

chính chuyên ngành quản lý Quỹ của trường Đại học kỹ thuật Sydney, Úc.

▪ **Bà Đỗ Thị Mỹ Linh - Phó phòng Phụ trách kế toán**

Bà Đỗ Thị Mỹ Linh sinh ngày 03 tháng 12 năm 1986, được bổ nhiệm Phó phòng phụ trách kế toán vào ngày 29 tháng 12 năm 2016 theo quyết định số: 14/2016 QĐ-HĐQT, trước đó Bà Đỗ Thị Mỹ Linh là kế toán tổng hợp của DVSC.

Bà Linh có bằng cấp cử nhân, chuyên ngành kế toán kiểm toán, chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng

▪ **Cán bộ nhân viên**

Tình hình nhân sự tại DVSC trong những năm gần đây có xu hướng giảm và tinh gọn do hoạt động của Công ty gặp khó khăn. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, số lượng nhân viên còn làm việc tại DVSC là 29 người, tăng 03 nhân viên so với thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 26 người.

### 3. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

#### a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	195,458,801,505	162,002,098,225	-17%
Doanh thu thuần	7,033,406,253	8,771,304,030	25%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(4,065,862,090)	(33,468,419,150)	723%
Lợi nhuận khác	417,491,835	342,374,306	-18%
Lợi nhuận trước thuế	(3,648,370,255)	(33,126,044,844)	808%
Lợi nhuận sau thuế	(3,648,370,255)	(33,126,044,844)	808%

#### b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	186.37	231.8	
+ Hệ số thanh toán nhanh	186.37	231.8	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.01	0.004	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.01	0.004	

<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.04	0.05	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	(0.52)	(3.78)	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	(0.02)	(0.21)	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	(0.02)	(0.20)	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hkd/Doanh thu thuần	(0.58)	(3.82)	

#### **4. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG**

Tại thời điểm ngày 31/12/2016, Công ty có vốn điều lệ là 250 tỷ đồng, tương ứng với 25 triệu cổ phần được nắm giữ bởi **600** cổ đông, trong đó **11** cổ đông nước ngoài nắm tổng cộng 112.000 CP (*chiếm 0.45%*); **10** cổ đông là tổ chức (*chiếm 32,75%*), còn lại toàn bộ là cá nhân. Số cổ đông nắm giữ từ 5% vốn trở lên là 9 CD với số CP nắm giữ là 18.457.552 cp chiếm 73,83%. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2016 như sau:

<b>Cổ đông</b>	<b>Trong nước</b>		<b>Nước ngoài</b>		<b>Tổng cộng</b>	
	<b>Số CP</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Số CP</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Số CP</b>	<b>Tỷ lệ</b>
Cá nhân	16.698.949	66,80%	112.000	0,45%	16.810.949	67,24%
Tổ chức	8.189.051	32,75%			8.189.051	32,76%
<b>Tổng cộng</b>	<b>24.888.000</b>	<b>99,55%</b>	<b>112000</b>	<b>0,45%</b>	<b>25.000.000</b>	<b>100,00%</b>

<b>Cổ đông</b>	<b>Trong nước</b>		<b>Nước ngoài</b>		<b>Tổng cộng</b>	
	<b>Số CP</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Số CP</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Số CP</b>	<b>Tỷ lệ</b>
CD nắm giữ trên 5%	18.457.552	73,83%			18.457.552	73,83%
CD nắm giữ 1% -5%	1.000.500	4,00%			1.000.500	4,00%
CD nắm giữ dưới 1%	5.429.948	21,72%	112.000	0,45%	5.541.948	22,17%
<b>Tổng cộng</b>	<b>24.888.000</b>	<b>99,55%</b>	<b>112.000</b>	<b>0,45%</b>	<b>25.000.000</b>	<b>100,00%</b>

## 5. CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Công ty tạo cho đội ngũ nhân viên một môi trường làm việc trung thực, hòa đồng, tinh thần hợp tác nhằm đảm bảo cao nhất về trình độ chuyên môn, đạo đức và những nguyên tắc ứng xử đã tạo nên văn hóa và đạo đức trong môi trường làm việc của công ty.

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, số lượng người lao động tại DVSC là 29 người, mức lương bình quân là 11,94 triệu đồng/tháng. Mọi chế độ bảo hiểm được thực hiện đầy đủ theo quy định của Nhà nước.

## III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### 1. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

<i>DVT: Triệu VNĐ</i>				<b>Tăng/Giảm</b>	
<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Kế hoạch 2016</b>	<b>Thực hiện 2016</b>	<b>Thực hiện 2015</b>	<b>% TH 2016 sv. KH 2016</b>	<b>% TH 2016 sv. TH 2015</b>
<b>Doanh thu</b>	11,138	9,314	7,558	-16%	23%
<b>Chi phí</b>	30,021	42,440	11,206	41%	279%
<b>Lợi nhuận</b>	(12,883)	(33,126)	(3,648)	75%	808%

Doanh thu thực hiện năm 2016 là 9,3 tỷ đồng, giảm so với kế hoạch đề ra 16%, tăng 23% so với thực hiện năm 2015. Chi phí thực hiện năm 2016 là 42,440 tỷ đồng, tăng 41% so với kế hoạch đề ra và tăng 279% so với năm 2015. Nguyên nhân do công ty trích dự phòng giảm giá tài sản tài chính nên làm cho tổng chi phí năm 2016 tăng rất cao. Vì vậy làm cho số lỗ thực hiện năm 2016 là 33,1 tỷ đồng, vượt kế hoạch đề ra năm 2016 là 12,8 tỷ đồng.

### 2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

<i>DVT: Triệu VNĐ</i>		<b>Thực hiện</b>		<b>Thay đổi</b>	
<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2015</b>	<b>Năm 2016</b>	<b>Giá trị</b>	<b>%</b>	
Tài sản ngắn hạn	182,266	149,816	(32,450)	(17.8)	
Tài sản dài hạn	13,193	12,186	(1,007)	(7.6)	
<b>Tổng Tài sản</b>	<b>195,459</b>	<b>162,002</b>	<b>(33,457)</b>	<b>(17)</b>	
Nợ phải trả	977	646	(331)	(33.9)	
Vốn chủ sở hữu	194,482	161,356	(33,126)	(17)	
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>195,459</b>	<b>162,002</b>	<b>(33,457)</b>	<b>(17)</b>	

Chỉ tiêu	Thực hiện		Thay đổi
	Năm 2015	Năm 2016	%
Tài sản ngắn hạn/Tổng Tài sản	93%	92%	(1)
Tài sản dài hạn/Tổng Tài sản	7%	8%	1
Nợ phải trả/Tổng Nguồn vốn	1%	0.4%	(0.1)
Vốn chủ sở hữu/Tổng Nguồn vốn	99.5%	99.6%	0.1
Doanh thu thuần/Tài sản ngắn hạn	3.9%	5.9%	2
Doanh thu thuần/Tài sản dài hạn	53.3%	72%	18.6

### 3. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2017

#### *Triển vọng của thị trường*

Trong năm 2017, tình hình kinh tế vĩ mô dự báo sẽ tiếp tục ổn định theo hướng tích cực, kinh tế bước vào chu kỳ tăng trưởng tốt, hệ thống doanh nghiệp tiếp tục cải thiện hoạt động thông qua kết quả kinh doanh. Bên cạnh đó là hàng loạt các chính sách kinh tế vĩ mô của chính phủ, các giải pháp phát triển thị trường đã và bắt đầu đi vào thực tế, tạo tiền cho sự phát triển thị trường bao gồm như sau:

- Năm 2017, việc ký kết các hiệp định thương mại tự do với các quốc gia Châu Âu, Hàn Quốc, Nhật Bản tiếp tục được kỳ vọng sẽ giúp Việt Nam hút được dòng vốn FDI trong thời gian tới. Nếu dòng vốn FDI tăng mạnh, dự kiến sẽ chuyển thành các dự án và tạo ra giá trị hàng hóa xuất khẩu lớn hơn cho Việt Nam trong tương lai, qua đó hỗ trợ cho cán cân thương mại cũng như cán cân thanh toán. Điều này sẽ làm giảm sức ép giảm giá Việt Nam đồng, làm tăng sức hấp dẫn các khoản đầu tư.
- Trong năm 2016, được sự quan tâm và hỗ trợ của UBCKNN và các ban ngành liên quan nghiên cứu và đưa ra nhiều giải pháp cho thị trường bao gồm giải pháp tạo thanh khoản cho thị trường, cơ chế thanh toán nhanh (T+2) áp dụng đầu năm 2016 và bán chứng khoán chờ về theo thông tư 203 vào đầu tháng 7/2016 dự kiến sẽ giúp cho luồng tiền và chứng khoán trong thị trường xoay vòng nhanh hơn.
- Năm 2017 cũng được xem là năm đầy triển vọng cho thị trường chứng khoán Việt Nam với việc đưa thị trường phái sinh vào hoạt động trong năm 2017 này, UBCKNN dự kiến sẽ đưa thị trường chứng khoán phái sinh vào hoạt động từ quý II. Chỉ hai sản phẩm được áp dụng đầu tiên gồm hợp đồng tương lai dựa trên tài sản cơ sở là chỉ số chứng khoán (VN30 và HNX 30) và hợp đồng tương

lai trái phiếu Chính phủ. Điều này sẽ tạo ra nhiều giao dịch hấp dẫn sẽ cuốn hút các nhà đầu tư tham gia.

- VN-Index đã nằm trong xu hướng hồi phục từ đầu năm 2012 cho đến hết năm 2016 với mức tăng 95% từ 365 điểm lên 665 điểm. Động lực tăng điểm của thị trường trong giai đoạn này được hỗ trợ bởi chu kỳ hồi phục của nền kinh tế cũng như sự khởi sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh của khối các doanh nghiệp, đặc biệt là nhóm doanh nghiệp vốn hóa lớn. Với kịch bản tích cực VN-Index có thể đạt 770 điểm trong năm 2017.
- Song song đó, UBCK cũng đang xây dựng một số nhóm giải pháp nhằm tăng quy mô và đa dạng hóa cơ sở hàng hóa trên cơ sở thúc đẩy gắn cổ phần hóa, đại chúng hóa với niềm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán, tăng tỷ lệ bán đấu giá công khai ra công chúng và tăng tỷ lệ bán cho đối tác chiến lược; tăng cường chất lượng kế toán, kiểm toán để tăng tính minh bạch; triển khai hệ thống bỏ phiếu điện tử cho tổ chức phát hành; phát triển các sản phẩm mới như covered warrant, các sản phẩm trái phiếu, xây dựng bộ chỉ số thị trường; nghiên cứu cho phép phát hành cổ phiếu không có quyền biểu quyết; thống nhất quy định về tổ chức có vốn nước ngoài đang niêm yết...

▪ ***Các quan ngại về thị trường chứng khoán trong năm 2017***

Tuy nhiên, song song với những kỳ vọng bên trên, thị trường cũng còn tồn tại những vấn đề quan ngại trong năm nay, bao gồm khả năng biến động tỷ giá trong nước, lãi suất cho vay, lãi suất huy động, dòng tiền đầu tư chứng khoán của các nhà đầu tư nước ngoài, các hoạt động phát hành thêm của doanh nghiệp niêm yết, kế hoạch thoái vốn ngoài ngành và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước cũng sẽ là 1 yếu tố tác động đáng kể, gây áp lực lên khả năng tăng nguồn cung trên thị trường là dự báo là những rủi ro tiềm ẩn. Thêm vào đó, tác động của tình hình kinh tế thế giới bao gồm giá dầu, tình hình kinh tế cũng như thị trường chứng khoán của Trung Quốc, Châu Âu, tình hình biển Đông, khả năng xung đột vũ trang các khu vực trên thế giới... cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro cho thị trường trong năm 2017.

▪ ***Nhiệm vụ trong năm 2017***

Xác định năm 2017 sẽ là năm thị trường chứng khoán phát triển mạnh, các nhiệm vụ trọng tâm thực hiện trong năm 2017 bao gồm như sau:

- Phát triển và củng cố lại đội ngũ Môi giới của Công ty, từng bước cải thiện doanh thu môi giới bằng cách nâng cao chất lượng của dịch vụ, cung cấp dịch vụ cho vay để mua chứng khoán, cạnh tranh về phí môi giới, phí ứng trước tiền bán, tiền mua... và qua đó từng bước phục hồi vị thế thị phần môi giới của DVSC trên thị trường;
- Tăng cường rà soát lại danh mục các khoản nợ khó đòi. Tập trung nhân lực của công ty, toàn bộ các phòng ban Công ty cũng như phối hợp với các tổ chức đơn



vị luật pháp để nhằm hỗ trợ và xử lý triệt để các khoản nợ thu khó đòi tồn đọng trong thời gian trước đây.

- Tăng cường tìm kiếm, tuyển dụng nhân sự cho bộ phận tự doanh, phân tích và tư vấn đầu tư nhằm quản lý, khai thác hiệu quả danh mục đầu tư tự doanh hiện có và xây dựng được đội ngũ tư vấn đầu tư vừa có tầm và có tâm cho khách hàng của Công ty.

## **IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **1. Thực trạng hoạt động:**

Trong năm 2016, Hội đồng quản trị đã tổ chức tổng cộng **11** (mười một) phiên họp trực tiếp và **11** (mười một) phiên họp bằng hình thức lấy ý kiến và biểu quyết qua phiếu. Chi tiết về tỷ lệ tham dự và biểu quyết qua phiếu như sau:

STT	Thành viên	Chức vụ	Họp trực tiếp			Họp qua phiếu			Ngày bổ nhiệm
			Số buổi tham dự	Tỷ lệ	Số buổi vắng mặt	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ	Số phiếu trống	
1	Lê Thị Bích Thủy	Chủ tịch	11/11	100%		10/11	91%	1 phiếu UQ, 1 phiếu trắng	Bổ nhiệm 04/7/2016
2	Nguyễn Ngọc Duy Anh	P.Chủ tịch	11/11	100%	2 buổi UQ	11/11	100%		Bổ nhiệm 04/7/2016
3	Nguyễn Bảo Ngọc	TV	2/2	100%					Bổ nhiệm 08/11/2016
4	Nguyễn Duy Tân	TV	2/2	100%	1 buổi UQ				Bổ nhiệm 08/11/2016
5	Nguyễn Tuấn	TV Độc lập	9/9	100%		11/11	100%		Bổ nhiệm 04/7/2016

Do điều kiện địa lý xa xôi và việc các thành viên Hội đồng quản trị hiện nay phải kiêm nhiệm nhiều công việc, không có điều kiện thường xuyên họp trực tiếp nên Hội đồng quản trị đã chủ động trao đổi, làm việc thống nhất nhiều vấn đề qua email, điện thoại, SMS, lấy ý kiến và biểu quyết qua phiếu.

Hội đồng quản trị đã giám sát thường xuyên công tác điều hành của Tổng Giám đốc thông qua các chế độ báo cáo và giải trình trực tiếp:

- Chỉ đạo HĐQT tổ chức triển khai mọi mặt hoạt động tuân thủ nghiêm ngặt các chế độ, quy định hiện hành của Pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của DVSC.
- Chỉ đạo trực tiếp việc triển khai nghị quyết ĐHĐCĐ, nghị quyết HĐQT hay các công việc, kế hoạch do HĐQT trình, thông qua các buổi họp giao ban, họp HĐQT và HĐQT cùng các Phòng ban chuyên môn.
- Chỉ đạo về kế hoạch kinh doanh, thu hồi nợ xấu, cắt giảm chi phí, tổ chức cơ cấu lại nhân sự theo đúng các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- Xem xét các báo cáo của Ban điều hành; Giám sát công tác điều hành, nắm bắt quá trình kinh doanh thông qua các báo cáo, theo dõi việc triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2016 của HĐQT.
- Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các chế độ báo cáo tài chính: Tháng, Quý, Năm và các chế độ báo cáo hàng ngày, tuần, tháng, quý, năm theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước.
- Hội đồng quản trị phối hợp Ban kiểm soát tổ chức hoạt động kiểm tra đối với hoạt động kinh doanh và công tác quản lý của Ban điều hành.

## **2. Công tác chỉ đạo HĐQT:**

- Công tác điều hành của Tổng giám đốc được giám sát thông qua các chế độ báo cáo và giải trình trực tiếp.
- Qua giám sát, HĐQT đã yêu cầu Ban điều hành tập trung vào một số công việc quan trọng như quản lý chặt chẽ chi phí và dòng tiền, tìm kiếm nguồn vốn hỗ trợ, xử lý nợ tồn đọng, đồng thời động viên nhân viên hoàn thành tốt các nhiệm vụ để cùng nhau vượt qua giai đoạn khó khăn này.

Trong năm qua, HĐQT đã quản lý chi tiêu một cách chặt chẽ và tiết kiệm; tỷ lệ an toàn vốn khả dụng luôn được đảm bảo, góp phần duy trì hoạt động của Công ty trong bối cảnh còn nhiều khó khăn và thách thức

## **3. Công tác hợp tác Quản trị doanh nghiệp với BKS:**

- HĐQT thường xuyên xin ý kiến Ban kiểm soát về các vấn đề liên quan đến việc tuân thủ theo quy định của Luật, trung cầu ý kiến tiếp thu giải quyết tốt các yêu cầu của Ban kiểm soát.
- HĐQT và BKS có sự đồng thuận cao về các vấn đề quản trị. Trong năm HĐQT và BKS đã có 07 lần họp chung.

## **4. Kế hoạch, định hướng năm 2017:**

Năm 2016, kinh tế Việt Nam tiếp tục đương đầu với nhiều thách thức khi hiệp định TPP đã chính thức bị hủy bỏ. Tuy vậy, chính phủ Việt Nam vẫn cam kết thúc đẩy cải cách xây dựng một chính phủ kiến tạo, đẩy mạnh cổ phần hóa doanh nghiệp và thoái vốn,

cũng như quyết tâm thực hiện các biện pháp nhằm đưa TTCK Việt Nam trở thành thị trường mới nổi. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong năm 2017 ở mức 6.3-6.5% Năm 2017, UBCK sẽ thực hiện thị trường chứng khoán phái sinh. Đây là một trong những bước đi quan trọng nhằm mục đích nâng hạng thị trường chứng khoán, một số các chính sách đã ban hành và có hiệu lực thi hành, thông tư 11/2016/TT-BTC ngày 19/01/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị Định 42/2015/NĐ-CP về Chứng khoán phái sinh và thị trường Chứng khoán phái sinh, có hiệu lực từ ngày 01/07/2016 nhằm thúc đẩy thị trường chứng khoán phát triển và tái cơ cấu các Công Ty Chứng khoán. Công ty đánh giá rằng thông tư này ảnh hưởng rất lớn đến tình hình hoạt động của Công ty trong thời gian tới như việc tuyển dụng nhân sự và tìm khách hàng giao dịch...

Trước tình hình đó, HDQT đặt trọng tâm phải triển khai thực hiện bằng được các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Củng cố thương hiệu, duy trì hoạt động ổn định;
- Tái cơ cấu bộ máy tổ chức và xây dựng các bộ giải pháp quản trị hoạt động doanh nghiệp;
- Tập trung nâng cao các nghiệp vụ môi giới, giao dịch ký quỹ và tự doanh, phát triển thêm nhiều tiện ích nhằm đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư;
- Nỗ lực xử lý nợ khó đòi: Xử lý các vấn đề tồn đọng;
- Tiếp tục nghiên cứu, tìm kiếm đối tác để mua bán, sáp nhập.

## **V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Chứng Khoán Đại Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như báo cáo kết quả hoạt động riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán các công ty chứng khoán Việt Nam (ban hành theo thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

### **Vấn đề khác:**



**Công ty Cổ phần Chứng Khoán Đại Việt**  
**242, Cống Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**

**Mẫu số B01 - CTCK**  
*(Ban hành theo TT số 334/2016 /TT-BTC ngày 27/12/ 2016 của Bộ Tài chính)*

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG**

*Ngày 31 tháng 12 năm 2016*

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)</b>	<b>100</b>		<b>149,815,587,471</b>	<b>182,266,371,346</b>
<b>I. Tài sản tài chính (110 = 111 →129)</b>	<b>110</b>		<b>149,619,251,565</b>	<b>182,074,965,794</b>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	A.6.1	35,098,938,930	41,852,199,735
1.1. Tiền	111.1		3,098,938,930	3,852,199,735
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		32,000,000,000	38,000,000,000
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	6.3.1	154,896,639,708	154,896,639,708
3. Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113		-	-
4. Các khoản cho vay	114	6.3.2	5,032,812,970	305,462,394
5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	115		-	-
6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	A.6.4	(50,360,953,718)	(22,622,107,577)
7. Các khoản phải thu	117		195,711,112	165,916,666
7.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1		-	-
7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2	A.6.5	195,711,112	165,916,666
7.2.1. Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3		-	-
7.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		195,711,112	165,916,666
8. Trả trước cho người bán	118		-	-
9. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	A.6.5	905,150	2,203,579
10. Phải thu nội bộ	120		-	-
11. Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán	121		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT**  
**242 Công Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**  
**Báo cáo thường niên Năm 2016**

12. Các khoản phải thu khác	122	A.6.5	96,111,934,302	96,423,311,302
13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (*)	129	A.6.6	(91,356,736,889)	(88,948,660,013)
<b>II. Tài sản ngắn hạn khác (130 = 131 → 136)</b>	<b>130</b>		<b>196,335,906</b>	<b>191,405,552</b>
1. Tạm ứng	131		32,092,740	54,815,260
2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	132		-	-
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	A.6.7	164,243,166	136,590,292
4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		-	-
5. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		-	-
6. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	136		-	-
7. Tài sản ngắn hạn khác	137		-	-
8. Giao dịch mua bán lại trái phiếu của Chính phủ	138		-	-
6. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	139		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 - 260)</b>	<b>200</b>		<b>12,186,510,754</b>	<b>13,193,430,159</b>
<b>I. Tài sản tài chính dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Các khoản phải thu dài hạn	211		-	-
2. Các khoản đầu tư	212		-	-
2.1. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	212.1		-	-
2.2. Đầu tư vào công ty con	212.2		-	-
2.3. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	212.3		-	-
2.4. Đầu tư dài hạn khác	212.4		-	-
3. Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn	213		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5,291,398,838</b>	<b>7,190,338,690</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	A.6.9	580,416,406	894,312,101
- Nguyên giá	222		14,110,490,085	16,493,536,417
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223a		(13,530,073,679)	(15,599,224,316)
- Đánh giá TSCĐHH theo giá trị hợp lý	223b		-	-
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226a		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT**  
**242 Công Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**  
**Báo cáo thường niên Năm 2016**

- Đánh giá TSCĐTTC theo giá trị hợp lý	226b		-	-
<b>3. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>	<b>A.6.10</b>	<b>4,710,982,432</b>	<b>6,296,026,589</b>
- Nguyên giá	228		15,736,880,046	15,534,880,046
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229a		(11,025,897,614)	(9,238,853,457)
- Đánh giá TSCĐVH theo giá trị hợp lý	229b		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232a		-	-
- Đánh giá BĐSĐT theo giá trị hợp lý	232b		-	-
<b>IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>240</b>		<b>45,000,000</b>	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>250</b>		<b>6,850,111,916</b>	<b>6,003,091,469</b>
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		445,697,000	705,650,200
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	A.6.7	1,095,108,724	1,376,430
3. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	253		-	-
4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	A.6.8	5,309,306,192	5,296,064,839
5. Tài sản dài hạn khác	255		-	-
<b>VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn</b>	<b>260</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>				
<b>(270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>162,002,098,225</b>	<b>195,459,801,505</b>

<b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)</b>	<b>300</b>		<b>646,304,268</b>	<b>977,962,704</b>
<b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>646,304,268</b>	<b>977,962,704</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311		-	-
1.1. Vay ngắn hạn	312		-	-
1.2. Nợ thuê tài chính ngắn hạn	313		-	-
2. Vay tài sản tài chính ngắn hạn	314		-	-
3. Trái phiếu chuyển đổi ngắn hạn - Cấu phần nợ	315		-	-
4. Trái phiếu phát hành ngắn hạn	316		-	-
5. Vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	317		-	-
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	A.6.19	27,132,849	10,258,672

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT**  
**242 Công Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**  
**Báo cáo thường niên Năm 2016**

7. Phải trả về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	319		-	-
8. Phải trả người bán ngắn hạn	320	A.6.23	90,484,571	19,950,000
9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		-	-
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	A.6.21	72,820,574	57,883,793
11. Phải trả người lao động	323		367,500	367,500
12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		26,986,000	21,586,000
13. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	A.6.22	133,731,429	563,135,394
14. Phải trả nội bộ ngắn hạn	326		-	-
15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		-	-
16. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	328		-	-
17. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	A.6.24	293,592,080	303,592,080
18. Dự phòng phải trả ngắn hạn	330		-	-
19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		1,189,265	1,189,265
20. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	332		-	-
<b>II. Nợ phải trả dài hạn</b>	<b>340</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	341		-	-
1.1. Vay dài hạn	342		-	-
1.2. Nợ thuê tài chính dài hạn	343		-	-
2. Vay tài sản tài chính dài hạn	344		-	-
3. Trái phiếu chuyển đổi dài hạn - cấu phần nợ	345		-	-
4. Trái phiếu phát hành dài hạn	346		-	-
5. Phải trả người bán dài hạn	347		-	-
6. Người mua trả tiền trước dài hạn	348		-	-
7. Chi phí phải trả dài hạn	349		-	-
8. Phải trả nội bộ dài hạn	350		-	-
9. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	351		-	-
10. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	352		-	-
11. Các khoản phải trả, phải nộp khác dài hạn	353		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	354		-	-
13. Quỹ bảo vệ Nhà đầu tư	355		-	-
14. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356		-	-
15. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	357		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT**  
**242 Công Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**  
**Báo cáo thường niên Năm 2016**

<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)</b>	<b>400</b>		<b>161,355,793,957</b>	<b>194,481,838,801</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>161,355,793,957</b>	<b>194,481,838,801</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		250,000,000,000	250,000,000,000
1.1.Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		250,000,000,000	250,000,000,000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		250,000,000,000	250,000,000,000
b. Cổ phiếu ưu đãi	411.1b		-	-
1.2. Thặng dư vốn cổ phần	411.2		-	-
1.3.Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - cấu phần vốn	411.3		-	-
1.4. Vốn khác của chủ sở hữu	411.4		-	-
1.5. Cổ phiếu quỹ (*)	411.5		-	-
2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	412		-	-
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	413		-	-
4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		4,237,404,755	4,237,404,755
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		3,562,404,755	3,562,404,755
6. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		-	-
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417	A.6.28	(96,444,015,553)	(63,317,970,709)
7.1.Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		(96,444,015,553)	(63,317,970,709)
7.2.Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>420</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>162,002,098,225</b>	<b>195,459,801,505</b>

**Công ty Cổ phần Chứng Khoán Đại Việt**  
**242, Cống Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão,**  
**Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**

**Mẫu số B01 - CTCK**  
*(Ban hành theo TT số 334/2016 /TT-BTC*  
*ngày 27/12/ 2016 của Bộ Tài chính)*

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG**

*Ngày 31 tháng 12 năm 2016*

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG**

Chỉ tiêu	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	B		1	2
<b>A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>				
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2. Chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		-	-
3. Tài sản nhận thế chấp	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại	005		-	-
6. Cổ phiếu đang lưu hành	006	A.6.29	25,000,000	25,000,000
7. Cổ phiếu quỹ	007		-	-
8. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	A.6.11	929,225	799,987
9. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	009		-	2
10. Tài sản tài chính chờ về của CTCK	010	A.6.12	6,760	-
11. Tài sản tài chính sửa lỗi giao dịch của CTCK	011		-	-
12. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	A.6.13	4,421,974	4,421,974
13. Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK	013		-	
<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>				
<i>Số lượng chứng khoán</i>				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	A.6.14	20,235,489	14,473,237
<i>a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng</i>	<i>021.1</i>		20,185,139	14,366,677
<i>b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng</i>	<i>021.2</i>		11,110	8,610
<i>c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố</i>	<i>021.3</i>		-	-
<i>d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ</i>	<i>021.4</i>		-	-
<i>e. Tài sản tài chính chờ thanh toán</i>	<i>021.5</i>		39,240	97,950
<i>f. Tài sản tài chính chờ cho vay</i>	<i>021.6</i>			
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	A.6.15	771,775	988,315

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT**  
**242 Công Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**  
**Báo cáo thường niên Năm 2016**

<i>a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng</i>	022.1		771,775	988,315
<i>b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng</i>	022.2		-	-
<i>c. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố</i>	022.3		-	-
<i>d. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ</i>	022.4		-	-
3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023	A.6.16	59,821	41,252
4. Tài sản tài chính sửa lỗi giao dịch của Nhà đầu tư	024.a		-	-
5. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư	024.b		-	-
6. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	025		-	-
<b>Đồng Việt Nam</b>				
7. Tiền gửi của khách hàng	026		12,067,701,020	11,394,494,531
7.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027	A.6.17	11,723,688,713	10,863,459,329
7.2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028	A.6.17	344,011,000	
7.3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029	A.6.17	-	528,004,000
a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	029.1		-	528,004,000
b. Tiền gửi Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	029.2		-	
7.4. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030	A.6.18	1,307	3,031,202
8. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	A.6.25	12,067,699,713	11,391,463,329
8.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		12,067,458,194	11,391,232,436
8.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		241,519	230,893
9. Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	032		-	-
10. Phải thu của khách hàng về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	033		-	-
11. Phải trả của khách hàng về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	034		-	-
12. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035	A.6.20	1,307	3,031,202

**Công ty Cổ phần Chứng Khoán Đại Việt**  
**242, Công Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**

**Mẫu số B02 - CTCK**  
*(Ban hành theo TT số 334/2016 /TT-BTC ngày 27/12/ 2016 của Bộ Tài chính)*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG**  
*Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016*

*Đơn vị tính: Đồng Việt Nam*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>
<b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01	B.6.30	7,951,615,547	6,332,608,528
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1		-	-
b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	01.2		-	-
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3		7,951,615,547	6,332,608,528
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02		-	-
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	B.6.30	56,058,426	52,972,261
1.4. Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	04		-	-
1.5. Lãi từ các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro	05		-	-
1.6. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06	B.6.31	538,525,228	477,039,135
1.7. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07		-	-
1.8. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08		-	-
1.9. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		-	-
1.10. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10	B.6.31	65,154,633	-
1.11. Thu nhập hoạt động khác	11			
<b>Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01→11)</b>	<b>20</b>		<b>8,611,353,834</b>	<b>6,862,619,924</b>
<b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		-	-
a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1		-	-
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	21.2		-	-
c. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL	21.3		-	-
2.2. Lỗ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	22		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT**  
**242 Công Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**  
**Báo cáo thường niên Năm 2016**

2.3 Lỗi và ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) khi phân loại lại	23		-	-
2.4 Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24		-	-
2.5. Lỗ từ các tài sản tài chính phái sinh phòng ngừa rủi ro	25		-	-
2.6. Chi phí hoạt động tự doanh	26	B.6.33	27,741,270,611	(9,219,071,302)
2.7. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	B.6.33	4,636,283,309	5,043,233,692
2.8. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28		-	-
2.9. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29		-	-
2.10. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	B.6.33	690,925,066	-
2.11. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		-	-
2.12. Chi phí khác	32		-	-
<b>Cộng chi phí hoạt động (40 = 21→32)</b>	<b>40</b>		<b>33,068,478,986</b>	<b>(4,175,837,610)</b>
<b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
3.1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41		-	-
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42	B.6.32	159,950,196	170,786,329
3.3. Lãi bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh	43		-	-
3.4. Doanh thu khác về đầu tư	44		-	-
<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41→44)</b>	<b>50</b>		<b>159,950,196</b>	<b>170,786,329</b>
<b>IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>				
4.1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51		-	-
4.2. Chi phí lãi vay	52		-	-
4.3. Lỗ bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh	53		-	-
4.4 Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	54		-	-
4.5. Chi phí đầu tư khác	55		-	-
<b>Cộng chi phí tài chính (60 = 51→54)</b>	<b>60</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. CHI PHÍ BÁN HÀNG</b>				
<b>VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>				
	<b>62</b>	<b>B.6.34</b>	<b>9,171,244,194</b>	<b>15,275,105,953</b>
<b>VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70= 20+50-40 -60-61-62)</b>	<b>70</b>		<b>(33,468,419,150)</b>	<b>(4,065,862,090)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT**  
**242 Công Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**  
**Báo cáo thường niên Năm 2016**

<b>VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>				
8.1. Thu nhập khác	71	B.6.35	542,624,692	524,748,426
8.2. Chi phí khác	72	B.6.36	200,250,386	107,256,591
<b>Cộng kết quả hoạt động khác (80= 71-72)</b>	<b>80</b>		<b>342,374,306</b>	<b>417,491,835</b>
<b>IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70 + 80)</b>	<b>90</b>		<b>(33,126,044,844)</b>	<b>(3,648,370,255)</b>
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		(33,126,044,844)	(3,648,370,255)
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92			
<b>X. CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>	<b>100</b>		-	-
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	<b>B.6.37</b>	-	-
10.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		-	-
<b>XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)</b>	<b>200</b>		<b>(33,126,044,844)</b>	<b>(3,648,370,255)</b>
<b>XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN</b>	<b>300</b>		-	-
12.1. Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	301		-	-
12.2. Lãi/(lỗ) chênh lệch tỷ giá của hoạt động tại nước ngoài	302		-	-
12.3. Lãi, lỗ đánh giá lại tài sản cố định theo mô hình giá trị hợp lý	303		-	-
12.4. Lãi/(Lỗ) toàn diện khác	304		-	-
<b>Tổng thu nhập toàn diện</b>	<b>400</b>			
<b>XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG</b>	<b>500</b>			
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	B.6.38	(1,325)	(146)
13.2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	502		-	-

**Công ty Cổ phần Chứng Khoán Đại Việt**  
**242, Cống Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão,**  
**Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**

**Mẫu số B03a - CTCK**  
*(Ban hành theo TT số 334/2016 /TT-BTC*  
*ngày 27/12/ 2016 của Bộ Tài chính)*

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
**(Theo phương pháp trực tiếp)**  
*Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016*

Đơn vị tính :  
 Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền đã chi mua các tài sản tài chính	01		-	-
2. Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính	02		-	-
3. Tiền chi nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	03		-	-
4. Cổ tức đã nhận	04		5,899,668,630	4,052,238,220
5. Tiền lãi đã thu	05		2,081,345,527	1,942,058,549
6. Tiền chi trả lãi vay cho hoạt động của CTCK	06		-	-
7. Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK	07		(148,438,839)	(159,986,163)
8. Tiền chi trả cho người lao động	08		(3,070,306,000)	(3,153,755,700)
9. Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động CTCK	09		(235,219,600)	(225,868,682)
10. Tiền chi thanh toán các chi phí cho hoạt động mua, bán các tài sản tài chính	10		-	-
11. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	11		2,233,393,946	2,397,946,319
12. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	12		(12,651,298,377)	(6,303,588,172)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(5,890,854,713)</b>	<b>(1,450,955,629)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	21		(1,106,824,274)	(83,770,687)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	22		254,418,182	31,370,000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, và đầu tư khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, và đầu tư khác	24		-	-
5. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư dài hạn	25		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(852,406,092)</b>	<b>(52,400,687)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT**  
**242 Công Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**  
**Báo cáo thường niên Năm 2016**

2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay gốc	33		-	-
3.1. Tiền vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	33.1		-	-
3.2. Tiền vay khác	33.2		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
4.1. Tiền chi trả gốc vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	34.1		-	-
4.2. Tiền chi trả gốc vay tài sản tài chính	34.2		-	-
4.3. Tiền chi trả gốc vay khác	34.3		-	-
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10,000,000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(10,000,000)</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(6,753,260,805)</b>	<b>(1,503,356,316)</b>
<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>41,852,199,735</b>	<b>43,355,556,051</b>
- Tiền	61		3,852,199,735	6,355,556,051
- Các khoản tương đương tiền	62		38,000,000,000	37,000,000,000
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	63		-	-
<b>VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>		<b>35,098,938,930</b>	<b>41,852,199,735</b>
- Tiền	71		3,098,938,930	3,852,199,735
- Các khoản tương đương tiền	72		32,000,000,000	38,000,000,000
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	73		-	-



**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
<b>I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		364,171,741,931	114,147,110,400
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(378,452,943,046)	(142,785,055,067)
3. Tiền thu bán chứng khoán ủy thác của khách hàng	03		-	-
4. Tiền chi mua chứng khoán ủy thác của khách hàng	04		-	-
7. Thu vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	05		-	-
8. Chi trả vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	06		-	-
9. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		14,134,975,498	18,754,280,399
10. Nhận tiền gửi của Nhà đầu tư cho hoạt động ủy thác đầu tư của khách hàng	08		-	-
11. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	09		(65,154,633)	-
12. Thu lỗi giao dịch chứng khoán	10		-	-
13. Chi lỗi giao dịch chứng khoán	11		-	-
14. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	12		7,439,770,679	9,021,672,946
15. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	13		(6,555,183,940)	(671,857,945)
<b>Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</b>	<b>20</b>		<b>673,206,489</b>	<b>(1,533,849,267)</b>
<b>II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng</b>	<b>30</b>		<b>11,394,494,531</b>	<b>12,928,343,798</b>
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	31		<b>11,394,494,531</b>	<b>12,928,343,798</b>
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32		10,863,459,329	11,856,038,798
Trong đó có kỳ hạn:			-	-
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	33		528,004,000	1,072,305,000
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	34			
- Tiền gửi của tổ chức phát hành	35		3,031,202	-
Trong đó có kỳ hạn:			-	-
Các khoản tương đương tiền	36		-	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	37		-	-
<b>III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (40 = 20 + 30)</b>	<b>40</b>		<b>12,067,701,020</b>	<b>11,394,494,531</b>
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	41		12,067,701,020	11,394,494,531

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT**  
**242 Công Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**  
**Báo cáo thường niên Năm 2016**

-Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý, trong đó có kỳ hạn	42		11,723,688,713	10,863,459,329
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43		344,011,000	-
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44		-	528,004,000
-Tiền gửi của tổ chức phát hành	45		1,307	3,031,202
Trong đó có kỳ hạn:				
Các khoản tương đương tiền	46		-	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	47		-	-

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính : Đồng  
Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng/ giảm				Số dư cuối kỳ	
	2015	2016	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2015	Năm 2016
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	1	2	3	4	5	6	7	8
<b>I. Biến động vốn chủ sở hữu</b>	<b>198,130,209,056</b>	<b>194,481,838,801</b>	<b>138,575,000,000</b>	<b>142,223,370,255</b>	<b>2,247,071,116</b>	<b>35,373,115,960</b>	<b>194,481,838,801</b>	<b>161,355,793,957</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	388,575,000,000	250,000,000,000	-	138,575,000,000	-	-	250,000,000,000	250,000,000,000
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	250,000,000,000	250,000,000,000	-	-	-	-	250,000,000,000	250,000,000,000
1.2. Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-	-	-	-	-
1.3. Thặng dư vốn cổ phần	138,575,000,000	-	-	138,575,000,000	-	-	-	-
1.4. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cấu phần vốn	-	-	-	-	-	-	-	-
1.5. Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	-
2. Cổ phiếu quỹ (*)	-	-	-	-	-	-	-	-
3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	4,237,404,755	4,237,404,755	-	-	-	-	4,237,404,755	4,237,404,755
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	3,562,404,755	3,562,404,755	-	-	-	-	3,562,404,755	3,562,404,755
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý	-	-	-	-	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	-	-	-
7. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	-
8. Lợi nhuận chưa phân phối	(198,244,600,454)	(63,317,970,709)	138,575,000,000	3,648,370,255	2,247,071,116	35,373,115,960	(63,317,970,709)	(96,444,015,553)
8.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	(198,244,600,454)	(63,317,970,709)	138,575,000,000	3,648,370,255	2,247,071,116	35,373,115,960	(63,317,970,709)	(96,444,015,553)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT**  
**242 Công Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**  
**Báo cáo thường niên Năm 2016**

8.2. Lợi nhuận chưa thực hiện							-	-
<b>Cộng</b>	<b>198,130,209,056</b>	<b>194,481,838,801</b>	<b>138,575,000,000</b>	<b>142,223,370,255</b>	<b>2,247,071,116</b>	<b>35,373,115,960</b>	<b>194,481,838,801</b>	<b>161,355,793,957</b>
<b>II. Thu nhập toàn diện khác</b>								
1. Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	-	-	-	-	-	-
2. Lãi, lỗ đánh giá lại TĐ theo mô hình giá trị hợp lý	-	-	-	-	-	-	-	-
3. Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá của hoạt động tại nước ngoài	-	-	-	-	-	-	-	-
4. Lãi, lỗ toàn diện khác	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.**

## **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Đại Việt (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp lần đầu số 15/UBCK-GP ngày 28 tháng 6 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 27/GPĐC-UBCK ngày 9 tháng 8 năm 2016 về việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở Công ty.

Theo Giấy phép điều chỉnh số 27/GPĐC-UBCK, từ ngày 15 tháng 8 năm 2016, trụ sở của Công ty được đặt tại số 242 Cống Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Trước ngày 15 tháng 8 năm 2016, Công ty hoạt động tại trụ sở đặt tại số 46-48 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 là môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và tự doanh chứng khoán.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn điều lệ Công ty là 250.000.000.000 VND.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, tổng số nhân viên của Công ty là 29 người (vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 26 người).

## **2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán.

Công ty áp dụng chế độ kế toán ban hành theo thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 về việc hướng dẫn chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán, thay thế thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 và thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Những thay đổi quan trọng do áp dụng thông tư 334/2016/TT-BTC, bao gồm những điểm sau:

- + Thay đổi tên và hình thức các báo cáo tài chính :
  - bảng cân đối kế toán được đổi tên thành báo cáo tình hình tài chính riêng ;
  - báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được đổi tên thành báo cáo kết quả hoạt động riêng ;
  - báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động môi giới và vốn ủy thác của nhà đầu tư được trình bày riêng như một phần của các báo cáo tài chính cơ bản.
- + Tài sản tài chính được phân thành bốn loại là :
  - tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ,
  - tài sản tài chính sẵn sàng để bán,

- tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn và,
- các khoản cho vay.
- + Quản lý tách biệt tài sản và công nợ của công ty chứng khoán và của nhà đầu tư trên các khoản mục tiền gửi, chứng khoán, các khoản phải trả.
- + Công ty đã áp dụng các thay đổi chính sách kế toán mới trên cơ sở hồi tố và trình bày lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 334/2016/TT-BTC trong báo cáo tài chính năm nay

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

## **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

### **3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán phản ánh số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng theo yêu cầu của Trung tâm lưu ký chứng khoán để thanh toán tiền mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần.

Công ty phải mở tài khoản tại các ngân hàng thương mại chỉ định để theo dõi riêng biệt số hiện có và tình hình biến động của tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Công ty và của khách hàng.

### **3.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Trong kỳ, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối kỳ các tài sản bằng tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày này.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động riêng.

### **3.3 Tài sản tài chính và nợ tài chính**

#### **Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTVL) :**

Là tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính qua hoạt động nghiên cứu, phân tích với kỳ vọng sinh lời.

#### **Tài sản nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) :**

Là tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, có kỳ đáo hạn cố định mà công ty có dự định tích cực và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ :

- các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được CTCK xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi lỗ (FVTPL) ;
- các tài sản tài chính phi phái sinh đã được công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán (AFS) ;

- các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

#### **Các khoản cho vay :**

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo. Các khoản cho vay được ghi nhận khi công ty trở thành một bên tham gia trong các điều khoản các hợp đồng giao dịch ký quỹ, hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

#### **Tài sản sẵn sàng để bán (AFS) :**

Là tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các khoản cho vay và các khoản phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ.

### **3.4 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tình hình tài chính riêng. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý công ty chứng khoán trên Báo cáo kết quả hoạt động riêng.

### **4.5 Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động riêng.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

Phương tiện vận tải	6 - 8 năm
Máy móc, thiết bị quản lý	4 - 8 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	4 năm
Bản quyền	8 năm
Phần mềm máy tính	6 - 8 năm

### **4.6 Xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

### **4.7 Các khoản phải trả và phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

#### **4.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ.

#### **4.9 Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động riêng khi dịch vụ đã được cung cấp. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu.

Doanh thu hoạt động môi giới

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được căn cứ vào mức phí quy định của Công ty nhưng không được vượt mức quy định của Trung tâm lưu ký chứng khoán.

Doanh thu từ hoạt động tự doanh và góp vốn

Doanh thu từ hoạt động tự doanh và góp vốn bao gồm thu nhập từ hoạt động tự doanh và cổ tức. Thu nhập từ hoạt động tự doanh là khoản chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của chứng khoán bán ra. Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu không được ghi nhận vào thu nhập mà chỉ ghi nhận số lượng tăng thêm.

Doanh thu khác

Doanh thu khác bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, tiền lãi thu được từ các hoạt động tạm ứng vốn cho nhà đầu tư và hoạt động giao dịch ký quỹ và cho khách hàng vay mua chứng khoán và các doanh thu khác..

#### **4.10 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) trong kỳ, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên báo cáo tình hình tài chính riêng, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.



#### **4.11 Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo vốn thực góp của chủ sở hữu.

#### **4.12 Các bên có liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu cũng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

### **5. QUẢN TRỊ RỦI RO TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

Các hoạt động của Công ty có thể khiến Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

#### **a. Rủi ro thị trường**

##### **- Rủi ro về giá**

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư, danh mục đầu tư, định kỳ đánh giá lại danh mục, tuân thủ các nguyên tắc và giới hạn trong quy chế đầu tư. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

#### **b. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Công ty không có rủi ro tín dụng đối với khoản phải thu khách hàng do Công ty quản lý tài sản của khách hàng (nhà đầu tư ủy thác).

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên báo cáo tình hình tài chính riêng. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

#### **c. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động các luồng tiền.

## 6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### A. THUYẾT MINH VỀ BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

#### A.6.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
Tiền mặt	25.469.718	21.930.846
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động	3.070.374.296	2.819.509.823
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch CK	3.094.916	1.010.759.066
Tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng – kỳ hạn dưới 3 tháng)	32.000.000.000	38.000.000.000
	<u>35.098.938.930</u>	<u>41.852.199.735</u>

#### A.6.2 Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ VND
<b>a. Của Công ty chứng khoán</b>		
- Cổ phiếu	-	-
- Trái phiếu	-	-
- Chứng khoán khác	-	-
<b>b. Của nhà đầu tư</b>		
- Cổ phiếu	20.248.344	254.386.064.800
- Trái phiếu	-	-
- Chứng khoán khác	-	-
	<u>20.248.344</u>	<u>254.386.064.800</u>

### A.6.3 Các loại tài sản tài chính

#### 6.3.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) :

Tài sản FVTPL	31/12/2016		31/12/2015	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
(ACB) - Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu	2.265.268.048		2.265.268.048	
(CHP) - CTCP Thủy Điện Miền Trung	24.872.000.000		24.872.000.000	
(CII) - CTCP Đầu tư Hạ tầng kỹ thuật Tp HCM	840.445.740		840.445.740	
(DCD) - CTCP Du lịch và Thương mại DIC	861.712.800		861.712.800	
(DIG) - Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	153.137		153.137	
(DND) - CTCP ĐTXD VL Đồng Nai	25.000.000.000		25.000.000.000	
(DPM) - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	2.376.082.376		2.376.082.376	
(DRC) - Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	95.132		95.132	
(EBS) - Công ty cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội	186.842.950		186.842.950	
(FCN) - Công ty cổ phần Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON	2.570.000		2.570.000	
(IFS) - Công ty CP thực phẩm Quốc tế	85.751		85.751	
(ITC) - Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh nhà	283.913		283.913	
(JVC) - Công ty cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật	48.261		48.261	
(LAF) - Công ty Cổ phần Chế biến hàng Xuất khẩu Long An	146.571		146.571	
(LCG) - Công ty cổ phần LICOGI 16	248.000.000		248.000.000	
(MHA) - CTCP CBTS XK Minh Hải	12.450.000.000		12.450.000.000	
(NIC) - CTCP Đầu Tư Nhơn Trạch	8.000.000.000		8.000.000.000	
(OGC) - Công ty cổ phần tập đoàn Đại Dương	257.500.000		257.500.000	
(PPC) - Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	2.355.580.066		2.355.580.066	
(PVG) - CTCP Kinh doanh Khí hoá lỏng Miền Bắc	206.400.000		206.400.000	
(PVI) - CTCP PVI	1.481.481		1.481.481	
(SAM) - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom	73.600		73.600	
(SDA) - CTCP Simco Sông Đà	5.090.200		5.090.200	

Tài sản FVTPL	31/12/2016		31/12/2015	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
(SHP) - Công ty cổ phần Thủy điện miền Nam	23.180.250.000		23.180.250.000	
(SVC) - CTCP Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn	567.297.500		567.297.500	
(TIP) - CTCP PT KCN Tín Nghĩa	26.750.000.000		26.750.000.000	
(VCB) - Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	18.882.348.050		18.882.348.050	
(VCG) - Tổng CTCP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	582.450.000		582.450.000	
(VSP) - Công ty Cổ phần Vận tải biển và bất động sản Việt Hải	4.434.132		4.434.132	
Tài sản tài chính khác : Tiền gửi kỳ hạn 6 tháng	5.000.000.000		5.000.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>154.896.639.708</b>		<b>154.896.639.708</b>	

### 6.3.2 Các khoản cho vay và phải thu

Khoản cho vay và phải thu	31/12/2016		31/12/2015	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Nghiệp vụ Margin	4.876.385.383		-	-
Nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư trong nước	156.427.587		305.462.394	
<b>Cộng</b>	<b>5.032.812.970</b>		<b>305.462.394</b>	-

### 6.3.3 Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính

STT	Loại TSTC	Cơ sở lập dự phòng 31/12/2016				Giá trị lập dự phòng kỳ trước (31/12/2015)	Mức trích lập hoặc hoàn nhập kỳ này
		Số lượng	Giá sổ sách kế toán	Giá thị trường tại thời điểm lập BCTC	Giá trị lập dự phòng 31/12/2016		
A	B	1	2	3	4	5	6 = 4 – 5
<b>I</b>	<b>TSTC FVTPL</b>						
1	Cổ phiếu						
	(ACB) - Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu	74.364	2.265.268.048	1.308.806.400	956.461.648	926.708.848	29.752.800
	(CHP) - CTCP Thủy Điện Miền Trung	1.206.975	24.872.000.000	24.984.382.500	-	-	-
	(CII) - CTCP Đầu tư Hạ tầng kỹ thuật Tp HCM	45.000	840.445.740	1.266.750.000	-	-	-
	(DCD) - CTCP Du lịch và Thương mại DIC	57.999	861.712.800	1.188.979.500	-	444.120.000	(444.120.000)
	(DIC) - Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại DIC	4	-	20.960	-	-	-
	(DIG) - Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	2	153.137	15.300	137.837	134.937	2.900
	(DND) - CTCP ĐTXD VL Đồng Nai	1.000.000	25.000.000.000	9.300.000.000	15.700.000.000		15.700.000.000
	(DPM) - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	38.300	2.376.082.376	856.005.000	1.520.077.376	1.261.552.376	258.525.000
	(DRC) - Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	2	95.132	64.000	31.132	7.932	23.200
	(EBS) - Công ty cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội	12.200	186.842.950	104.920.000	81.922.950	88.022.950	(6.100.000)

(EIB) - Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	17	-	153.000	-	-	-
(FCN) - Công ty cổ phần Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON	110	2.570.000	2.101.000	469.000	326.000	143.000
(GTA) - Công ty Cổ phần chế biến Gỗ Thuận An	3	-	39.600	-	-	-
(HPG) - Công ty cổ phần Tập đoàn Hoà Phát	6.468	-	279.094.200	-	-	-
(IFS) - Công ty CP thực phẩm Quốc tế	2	85.751	17.200	68.551	85.751	(17.200)
(ITC) - Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh nhà	15	283.913	156.750	127.163	157.913	(30.750)
(JVC) - Công ty cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật	3	48.261	10.800	37.461	32.361	5.100
(KBC) - Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc-CTCP	5	-	69.250	-	-	-
(LAF) - Công ty Cổ phần Chế biến hàng Xuất khẩu Long An	9	146.571	100.800	45.771	14.271	31.500
(LCG) - Công ty cổ phần LICOGI 16	40.000	248.000.000	158.800.000	89.200.000	-	89.200.000
(LHG) - Công ty cổ phần Long Hậu	3	-	54.450	-	-	-

STT	Loại TSTC	Cơ sở lập dự phòng 31/12/2016				Giá trị lập dự phòng kỳ trước (31/12/2015)	Mức trích lập hoặc hoàn nhập kỳ này
		Số lượng	Giá sổ sách kế toán	Giá thị trường tại thời điểm lập BCTC	Giá trị lập dự phòng 31/12/2016		
A	B	1	2	3	4	5	6 = 4 - 5
	(MHA) - CTCP CBTS XK Minh Hải	225.500	12.450.000.000	-	12.450.000.000	11.915.055.659	534.944.341
	(NIC) - CTCP Đầu Tư Nhơn Trạch	200.000	8.000.000.000	8.000.000.000	-	-	-
	(OGC) - Công ty cổ phần tập đoàn Đại Dương	25.000	257.500.000	31.750.000	225.750.000	147.500.000	78.250.000
	(PPC) - Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	104.600	2.355.580.066	1.746.820.000	608.760.066	441.400.066	167.360.000
	(PVD) - Tổng CTCP Khoan và Dịch vụ Khoan dầu khí	2	-	41.400	-	-	-
	(PVG) - CTCP Kinh doanh Khí hoá lỏng Miền Bắc	24.000	206.400.000	165.600.000	40.800.000	12.000.000	28.800.000
	(PVI) - CTCP PVI	50	1.481.481	1.250.000	231.481	206.481	25.000
	(SAM) - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom	10	73.600	91.000	-	-	-
	(SDA) - CTCP Simco Sông Đà	90	5.090.200	360.000	4.730.200	4.512.200	218.000
	(SHP) - Công ty cổ phần Thủy điện miền Nam	981.500	23.180.250.000	19.531.850.000	3.648.400.000	4.531.750.000	(883.350.000)
	(SVC) - CTCP Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn	20.003	567.297.500	960.144.000	-	-	-
	(TIP) - CTCP PT KCN Tín Nghĩa	750.000	26.750.000.000	13.050.000.000	13.700.000.000	-	13.700.000.000
	(VCB) - Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	495.148	18.882.348.050	17.552.996.600	1.329.351.450	2.832.353.200	(1.503.001.750)
	(VCG) - Tổng CTCP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	50.500	582.450.000	681.750.000	-	11.800.000	(11.800.000)
	(VSP) - Công ty Cổ phần Vận tải biển và bất động sản Việt Hải	75	4.434.132	82.500	4.351.632	4.366.632	(15.000)
	<b>Cộng 1.</b>	<b>5.357.959</b>	<b>149.896.639.708</b>	<b>101.173.276.210</b>	<b>50.360.953.718</b>	<b>22.622.107.577</b>	<b>27.738.846.141</b>
2	Tài sản tài chính khác : tiền gửi kỳ hạn 6 tháng	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	-
	<b>Cộng 2</b>	<b>-</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
3	Trái phiếu	-	-	-	-	-	-

	<b>Cộng I. TSTC FVTPL</b>		<b>154.896.639.708</b>	<b>106.173.276.210</b>	<b>50.360.953.718</b>	<b>22.622.107.577</b>	<b>27.738.846.141</b>
<b>II</b>	<b>TSTC HTM</b>	-	-	-	-	-	-
<b>III</b>	<b>TSTC cho vay</b>	-	-	-	-	-	-
<b>IV</b>	<b>TSTC AFS</b>	-	-	-	-	-	-
	<b>Tổng cộng</b>		<b>154.896.639.708</b>	<b>106.173.276.210</b>	<b>50.360.953.718</b>	<b>22.622.107.577</b>	<b>27.738.846.141</b>



**A.6.4 Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp**

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp	50.360.953.718	22.622.107.577
	<u>50.360.953.718</u>	<u>22.622.107.577</u>

**A.6.5 Các khoản phải thu**

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	195.711.112	165.916.666
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	905.150	2.203.579
Các khoản phải thu khác	96.111.934.302	96.423.311.302
	<u>96.308.550.564</u>	<u>96.591.431.547</u>

**A.6.6 Dự phòng suy giảm các khoản phải thu**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Số dư đầu năm	88.948.660.013	81.574.369.856
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng	2.408.076.876	7.374.290.157
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<u>91.356.736.889</u>	<u>88.948.660.013</u>

**A.6.7 Chi phí trả trước**

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	164.243.166	136.590.292
Chi phí trả trước dài hạn	1.095.108.724	1.376.430
	<u>1.259.351.890</u>	<u>137.966.722</u>

**A.6.8 Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán**

	<b>31/12/2016</b>	<b>31/12/2015</b>
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	3.072.595.261	3.051.330.353
Tiền lãi phân bổ trong năm	2.116.710.931	2.124.734.486
	<b>5.309.306.192</b>	<b>5.296.064.839</b>

**A.6.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Máy móc thiết bị quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Vào ngày 01/01/2016	<b>15.994.514.499</b>	<b>468.921.918</b>	<b>30.100.000</b>	<b>16.493.536.417</b>
Tăng	303.516.263	92.125.000	-	<b>395.641.263</b>
Thanh lý, nhượng bán	(2.637.139.395)	(111.448.200)	(30.100.000)	<b>(2.778.687.595)</b>
Vào ngày 31/12/2016	<b>13.660.891.367</b>	<b>449.598.718</b>	-	<b>14.110.490.085</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Vào ngày 01/01/2016	<b>15.126.954.371</b>	<b>456.279.312</b>	<b>15.990.633</b>	<b>15.599.224.316</b>
Khấu hao trong kỳ	615.505.691	15.201.634	2.336.392	633.043.717
Thanh lý, nhượng bán	(2.572.419.129)	(111.448.200)	(18.327.025)	<b>(2.702.194.354)</b>
Vào ngày 31/12/2016	<b>13.170.040.933</b>	<b>360.032.746</b>	-	<b>13.530.073.679</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Vào ngày 01/01/2016	867.560.128	12.642.606	14.109.367	894.312.101
Vào ngày 31/12/2016	490.850.434	89.565.972	-	<b>580.416.406</b>

Đến 31/12/2016, nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn được sử dụng là 13.384.427.412 VND.

**A.6.10 Tài sản cố định vô hình**

	Bản quyền VND	Phần mềm VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Vào ngày 01/01/2016	544.697.432	14.990.182.614	15.534.880.046
Tăng	-	202.000.000	202.000.000
Vào ngày 31/12/2016	<b>544.697.432</b>	<b>15.192.182.614</b>	<b>15.736.880.046</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Vào ngày 01/01/2016	538.066.930	8.700.786.527	9.238.853.457

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT**  
**242 Công Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**  
**Báo cáo thường niên Năm 2016**

	Bản quyền VND	Phần mềm VND	Cộng VND
Khấu hao trong kỳ	6.630.502	1.780.413.655	1.787.044.157
Vào ngày 31/12/2016	<b>544.697.432</b>	<b>10.481.200.182</b>	<b>11.025.897.614</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Vào ngày 01/01/2016	6.630.502	6.289.396.087	6.296.026.589
Vào ngày 31/12/2016	-	<b>4.710.982.432</b>	<b>4.710.982.432</b>

Đến 31/12/2016, nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng còn được sử dụng là 2.143.952.134 VND.

**A.6.11 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Công ty Chứng khoán**

	31/12/2016	31/12/2015
Tài sản tài chính FVTPL	Cổ phiếu 929.225	Cổ phiếu 799.987
	<b>929.225</b>	<b>799.987</b>

**A.6.12 Tài sản tài chính chờ về của Công ty Chứng khoán**

	31/12/2016	31/12/2015
Tài sản tài chính FVTPL	Cổ phiếu 6.760	Cổ phiếu -
	<b>6.760</b>	<b>-</b>

**A.6.13 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty Chứng khoán**

	31/12/2016	31/12/2015
Tài sản tài chính FVTPL	Cổ phiếu 4.421.974	Cổ phiếu 4.421.974
	<b>4.421.974</b>	<b>4.421.974</b>

**A.6.14 Tài sản tài chính niêm yết / đăng ký giao dịch tại VSD của nhà đầu tư**

	31/12/2016	31/12/2015
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	Cổ phiếu 20.185.139	Cổ phiếu 14.366.677
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	11.110	8.610
Tài sản tài chính chờ thanh toán	39.240	97.950
	-	-
	<b>20.235.489</b>	<b>14.473.237</b>

**A.6.15 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của nhà đầu tư**

	<b>31/12/2016</b>	<b>31/12/2015</b>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD, chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	771.775	988.315
	<b>771.775</b>	<b>988.315</b>

**A.6.16 Tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư**

	<b>31/12/2016</b>	<b>31/12/2015</b>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Tài sản tài chính chờ về	59.821	41.252
	<b>59.821</b>	<b>41.252</b>

**A.6.17 Tiền gửi của Nhà đầu tư**

	<b>31/12/2016</b>	<b>31/12/2015</b>
	VND	VND
1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	11.723.688.713	10.863.459.329
1.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	11.723.447.194	10.863.228.436
1.2 Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	241.519	230.893
2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	344.011.000	-
3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	-	528.004.000
3.1 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	-	528.004.000
3.2 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	-	-
	<b>12.067.699.713</b>	<b>11.391.463.329</b>

**A.6.18 Tiền gửi của Tổ chức phát hành**

	<b>31/12/2016</b> VND	<b>31/12/2015</b> VND
Tiền gửi bán chứng khoán, bảo lãnh, đại lý phát hành	-	-
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	1.307	3.031.202
	<b><u>1.307</u></b>	<b><u>3.031.202</u></b>

**A.6.19 Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán**

	<b>31/12/2016</b> VND	<b>31/12/2015</b> VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	14.647.122	3.785.779
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	12.485.727	6.472.893
	<b><u>27.132.849</u></b>	<b><u>10.258.672</u></b>

**A.6.20 Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu**

	<b>31/12/2016</b> VND	<b>31/12/2015</b> VND
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu cho nhà đầu tư	1.307	3.031.202
	<b><u>1.307</u></b>	<b><u>3.031.202</u></b>

**A.6.21 Thuế và các khoản nộp nhà nước**

	<b>31/12/2016</b> VND	<b>31/12/2015</b> VND
Thuế giá trị gia tăng		20.000.000
Thuế thu nhập cá nhân	72.820.574	37.883.793
	<b><u>72.820.574</u></b>	<b><u>57.883.793</u></b>

**A.6.22 Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2016</b> VND	<b>31/12/2015</b> VND
Chi phí quản lý công ty chứng khoán	133.731.429	563.135.394
	<b><u>133.731.429</u></b>	<b><u>563.135.394</u></b>

**A.6.23 Phải trả người bán**

	<b>31/12/2016</b>	<b>31/12/2015</b>
	VND	VND
Công ty TNHH DV Bảo vệ Đất Võ 24H	-	11.550.000
Cửa hàng trang trí nội thất Phú Lợi	8.400.000	8.400.000
CN tại TPHCM Công ty TNHH HT TT FPT (Hà Nội)	49.896.308	-
Công ty TNHH Kt Cơ Điện và TM Lộc Thành	32.188.263	-
	<b><u>90.484.571</u></b>	<b><u>19.950.000</u></b>

**A.6.24 Phải trả khác**

	<b>31/12/2016</b>	<b>31/12/2015</b>
	VND	VND
Phải trả khác	462.080	462.080
Phải trả cổ tức cho cổ đông	293.130.000	303.130.000
	-	-
	<b><u>293.592.080</u></b>	<b><u>303.592.080</u></b>

**A.6.25 Phải trả Nhà đầu tư**

	<b>31/12/2016</b>	<b>31/12/2015</b>
	VND	VND
Phải trả Nhà đầu tư – Tiền gửi của nhà đầu tư giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		
1.1 Cửa Nhà đầu tư trong nước	12.067.458.194	11.391.232.436
1.2 Cửa Nhà đầu tư nước ngoài	241.519	230.893
	<b><u>12.067.699.713</u></b>	<b><u>11.391.463.329</u></b>

**A.6.26 Phải trả của Nhà đầu tư về dịch vụ cho CTCK**

	<b>31/12/2016</b>	<b>31/12/2015</b>
	VND	VND
Phải trả của nhà đầu tư về		
- phí môi giới chứng khoán	905.150	2.203.579
	<b><u>905.150</u></b>	<b><u>2.203.579</u></b>

**A.6.27 Phải trả của Nhà đầu tư về khoản vay CTCK**

<b>31/12/2016</b>	<b>31/12/2015</b>
-------------------	-------------------

	VND	VND
Phải trả của nhà đầu tư :		
1. Nghiệp vụ margin	4.876.385.383	
2. Nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	156.427.587	305.462.394
	<b><u>5.032.812.970</u></b>	<b><u>305.462.394</u></b>

**A.6.28 Lợi nhuận chưa phân phối**

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	(96.444.015.553)	(63.317.970.709)
Lợi nhuận chưa thực hiện	-	-
	<b><u>(96.444.015.553)</u></b>	<b><u>(63.317.970.709)</u></b>

**Thuyết minh về các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính**

**A.6.29 Cổ phiếu đang lưu hành**

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Cổ phiếu đang lưu hành	25.000.000	25.000.000

**B. THUYẾT MINH VỀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG**

**B.6.30 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
1. Từ tài sản tài chính FVTPL	7.951.615.547	6.332.608.528
1.1 Cổ tức	5.997.846.100	4.554.732.142
1.2 Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.953.769.447	1.777.876.386
2. Từ tài sản tài chính HTM		
3. Từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS	-	-
4. Từ các khoản cho vay	56.058.426	52.972.261
	<b><u>8.007.673.973</u></b>	<b><u>6.385.580.789</u></b>

**B.6.31 Thu nhập ngoài thu nhập các tài sản tài chính**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
1. Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	538.525.228	477.039.135
2. Doanh thu hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	-	-
3. Doanh thu hoạt động tư vấn	-	-
4. Doanh thu khác	65.154.633	-
	<b>603.679.861</b>	<b>477.039.135</b>

**B.6.32 Thu nhập hoạt động tài chính**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
1. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
2. Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	159.950.196	170.786.329
3. Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
	<b>159.950.196</b>	<b>170.786.329</b>

**B.6.33 Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	4.636.283.309	5.043.233.692
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	690.925.066	-
Chi phí nghiệp vụ tự doanh	27.741.270.611	(9.219.071.302)
Chi phí hoạt động khác	-	-
	<b>33.068.478.986</b>	<b>(4.175.837.610)</b>

**B.6.34 Chi phí quản lý công ty chứng khoán**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí lương và các khoản theo lương KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	2.830.514.529	2.884.652.850
Chi phí vật tư văn phòng	482.841.000	566.235.000
Chi phí công cụ, dụng cụ	14.573.175	20.377.773
Chi phí khấu hao tài sản cố định	51.480.930	214.739.846
	659.033.631	1.661.083.792



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT**  
**242 Công Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**  
**Báo cáo thường niên Năm 2016**

Chi phí thuế, phí và lệ phí	6.485.922	7.620.000
Chi phí / (Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.408.076.876	7.374.290.157
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.354.920.095	2.154.451.158
Chi phí khác	363.318.036	391.655.377
	<b>9.171.244.194</b>	<b>15.275.105.953</b>

**B.6.35 Thu nhập khác**

	<b>Năm 2016</b> VND	<b>Năm 2015</b> VND
Thu tiền thanh lý tài sản	254.418.182	228.536.363
Thu lãi Quỹ Hỗ Trợ Thanh Toán	288.206.508	296.208.063
Thu khác	2	4.000
	<b>542.624.692</b>	<b>524.748.426</b>

**B.6.36 Chi phí khác**

	<b>Năm 2016</b> VND	<b>Năm 2015</b> VND
Giá trị còn lại tài sản thanh lý	76.493.241	107.256.591
Tiền phạt	121.657.145	-
Khác	2.100.000	-
	<b>200.250.386</b>	<b>107.256.591</b>

**B.6.37 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

	<b>Năm 2016</b> VND	<b>Năm 2015</b> VND
Lợi nhuận trước thuế theo kế toán	(33.126.044.844)	(3.648.370.255)
Điều chỉnh các khoản tăng/giảm lợi nhuận để xác định lợi nhuận tính thuế:		
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(5.997.846.100)	(4.554.732.142)
- Chi phí không được trừ		
. Dự phòng suy giảm giá trị khoản phải thu	2.408.076.876	7.374.290.157
. Chi phí không được trừ khác	271.373.920	572.963.300
- Chênh lệch tỷ giá khoản phải thu tiền		
<b>Lợi nhuận chịu thuế trong kỳ</b>	<b>(36.444.440.148)</b>	<b>(255.848.940)</b>
Chuyển lỗ các năm trước	-	-
Lợi nhuận tính thuế	-	-
Thuế suất	20%	22%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**B.6.38 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

		Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	VND	(33.126.044.844 )	(3.648.370.255)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	VND		
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	CP	25.000.000	25.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND/CP	<b>(1.325)</b>	<b>(146)</b>

**7. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thù lao Hội đồng quản trị, ban kiểm soát	332.410.000	214.914.000
Lương và thưởng Ban Tổng Giám đốc	396.227.182	450.900.000

**7.2 Nợ tiềm tàng**

Trong tháng 6 năm 2013, ba nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Chi nhánh Hà Nội của Công ty đã khiếu nại Công ty vì mất tiền trong tài khoản kinh doanh chứng khoán của họ với tổng số tiền là 2.048.000.000 VND. Phó Giám đốc Công ty phụ trách Chi nhánh Hà Nội đã thực hiện chuyển khoản số tiền này từ các tài khoản kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư sang tài khoản kinh doanh chứng khoán của Ông khi chưa có sự đồng ý, xác nhận của các nhà đầu tư này.

Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty và các cơ quan điều tra đang trong quá trình làm việc để điều tra sự việc trên. Công ty cam kết giải quyết vấn đề này với các nhà đầu tư khi có kết quả điều tra từ các cơ quan có thẩm quyền.

**CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT**  
**P.TỔNG GIÁM ĐỐC**



Trần Thị Rồng